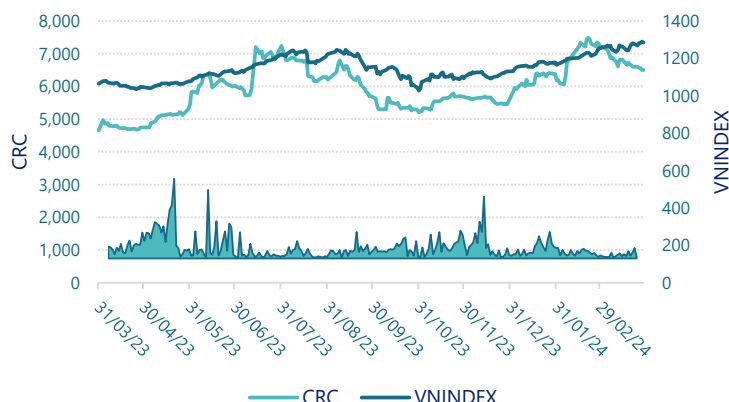


CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	6,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,490
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,660
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	111,740
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	195
P/E	6.6
EPS	990

DT thuần

Q1/24

72.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼30.5 | -29.6%

YoY: ▲ 2.40 | 3.4%

LN sau thuế

Q1/24

10.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.89 | 59.3%

YoY: ▲ 1.53 | 16.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

12.9%

+/- YoY: ▲ 2.9%

DT thuần

2023

354

tỷ VNĐ

YoY: ▼68.0 | -16.0%

LN sau thuế

2023

29.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.00 | 20.0%

ROE

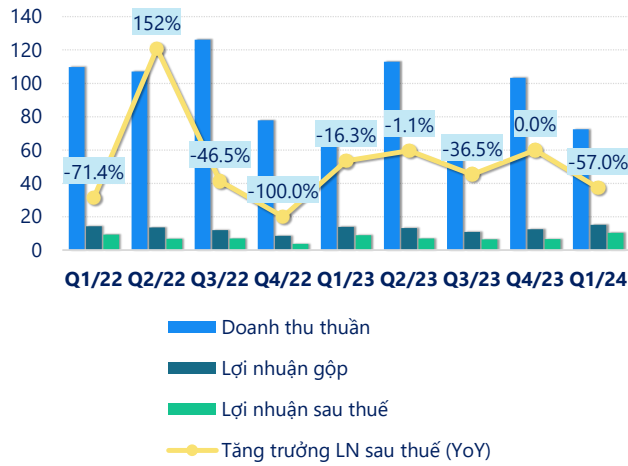
2023

7.4%

+/- YoY: ▲ 0.8%

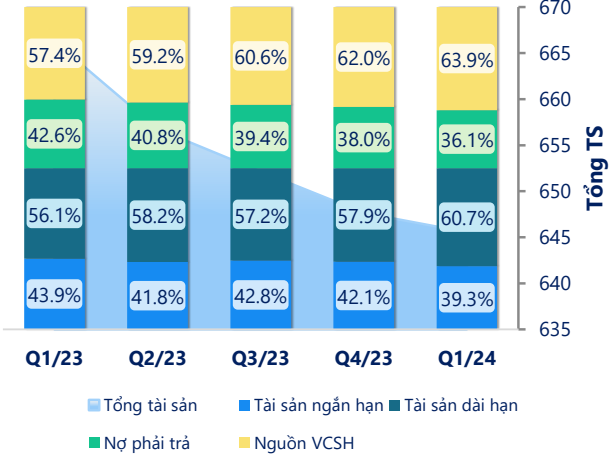
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

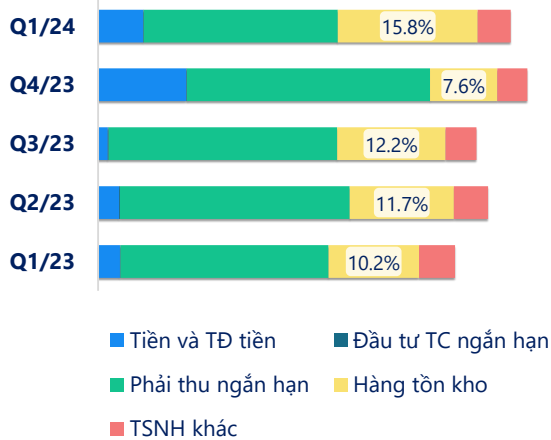


Cơ cấu Tổng tài sản

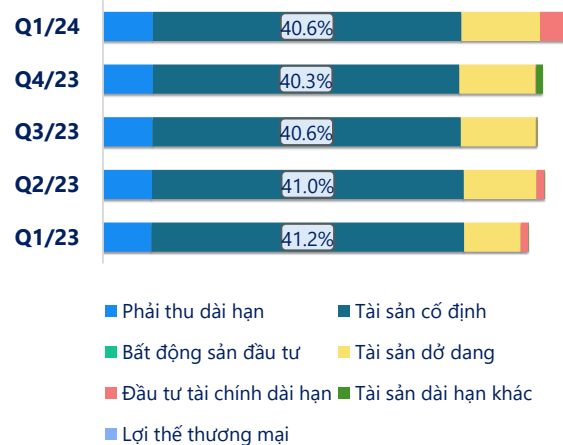
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

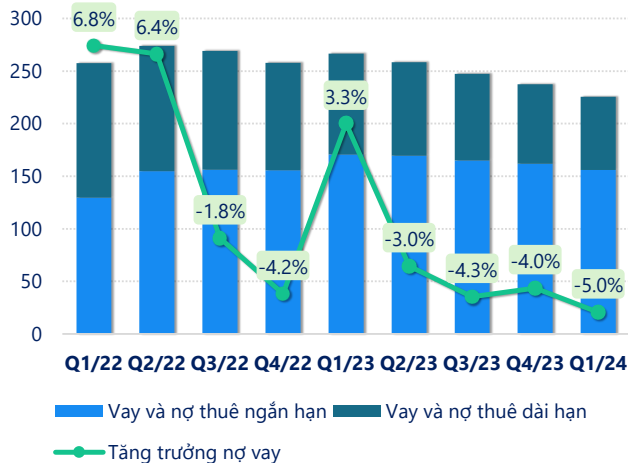


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



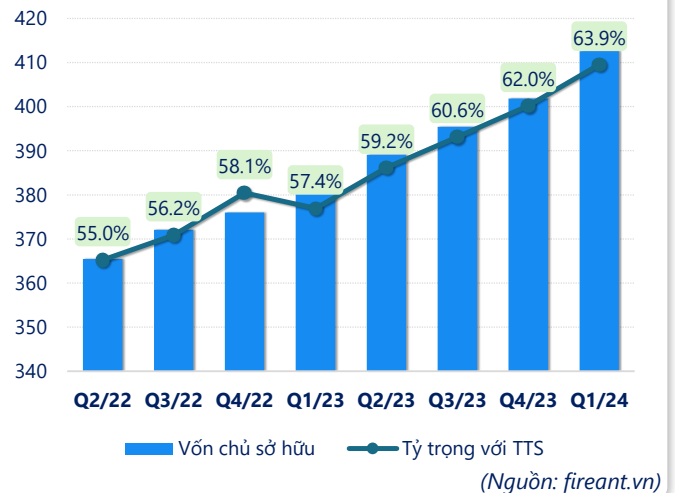
tỷ VNĐ

Nợ vay

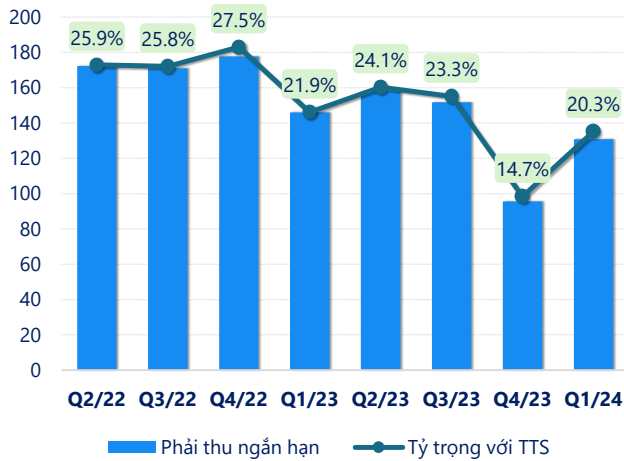


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

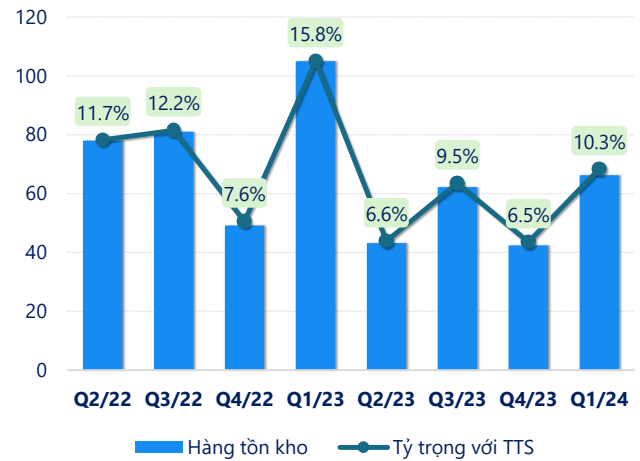


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


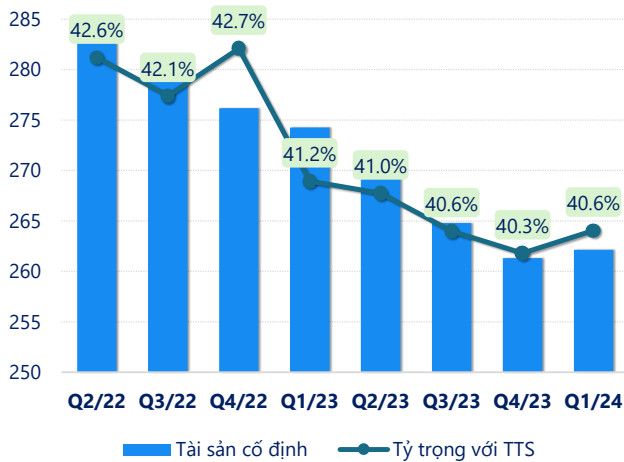
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


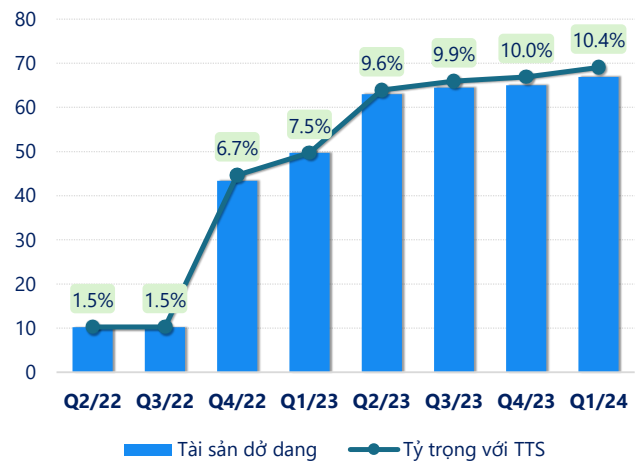
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

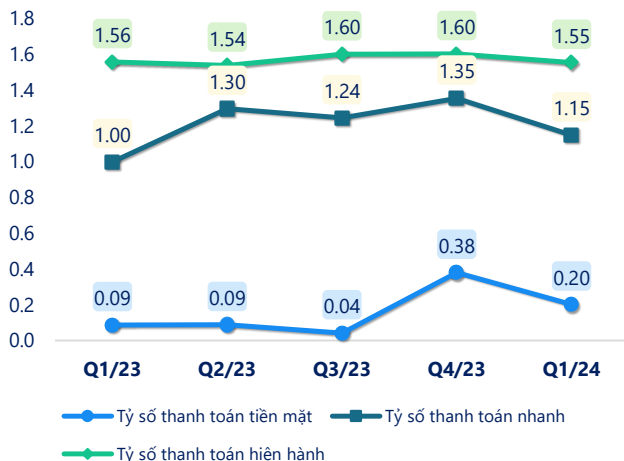
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

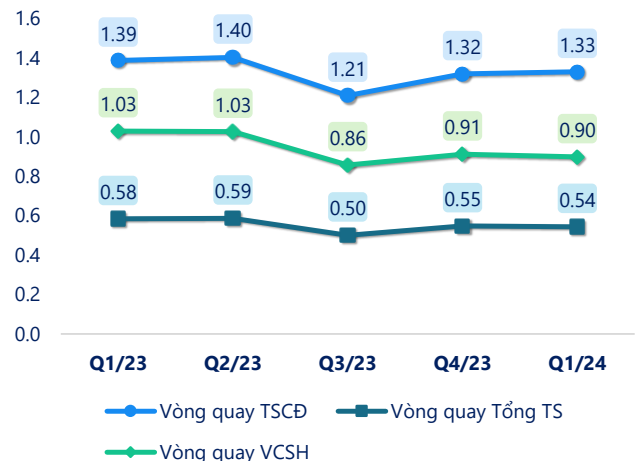
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	666	657	652	648	646
Tài sản ngắn hạn	293	275	279	272	253
Tiền và tương đương tiền	16.3	15.6	7.19	64.5	32.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	35.4	35.4	48.8	3.82
Phải thu ngắn hạn	146	158	152	95.5	131
Hàng tồn kho	105	43.2	62.1	42.3	66.2
Tài sản ngắn hạn khác	24.9	22.3	22.5	21.3	19.6
Tài sản dài hạn	374	382	373	375	392
Phải thu dài hạn	42.5	42.5	42.5	42.5	42.5
Tài sản cố định	274	269	265	261	262
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	49.7	63.0	64.5	65.0	66.9
Đầu tư tài chính dài hạn	6.79	6.79	0.79	0.50	20.1
Tài sản dài hạn khác	0.47	0.60	0.72	5.87	0.58
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	284	268	257	246	233
Nợ ngắn hạn	188	179	174	170	163
Vay và nợ thuê ngắn hạn	171	170	165	162	156
Phải trả người bán ngắn hạn	11.0	3.99	5.02	4.59	4.19
Nợ dài hạn	96.0	89.1	82.4	75.7	69.8
Vay và nợ thuê dài hạn	95.9	88.9	82.2	75.5	69.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	382	389	395	402	413
Vốn chủ sở hữu	382	389	395	402	413
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)